

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 3 - 2023.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình  
- ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Thới Phần.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Bà Trần Thị Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hồ Thanh T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Hồ Thị Hồng S, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hồ Thanh T trình bày:

Vào năm 2017, anh Hồ Thanh T với chị Hồ Thị Hồng S sau thời gian quen biết, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang ngày 21/02/2017. Thời gian đầu chung



sống hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nay nhận thấy cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu xin ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời trình bày của anh T đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành triệu tập chị S để tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị S đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị S. Chị S cũng không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Tại phiên tòa chị S vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn anh Hồ Thanh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn chị Hồ Thị Hồng S. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn”. Bị đơn Hồ Thị Hồng S có địa chỉ cư trú tại ấp 10, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T và chị S nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:



[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị S tự nguyện kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh T và chị S được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống anh T và chị S phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh T cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị không thể hàn gắn, anh T không thể tiếp tục sống chung với chị S được nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị S. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập anh T và chị S nhiều lần để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng chị S vắng mặt không có lý do. Đến thời điểm xét xử anh T vẫn cương quyết ly hôn với chị S. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị S thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng không thể hàn gắn. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà anh T yêu cầu xin ly hôn với chị S là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Cho anh T và chị S được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Anh T khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh T khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Anh T khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), đã nộp xong.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;



Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Thanh T đối với chị Hồ Thị Hồng S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hồ Thanh T và chị Hồ Thị Hồng S.

2. Về con chung: Anh T khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh T khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh T khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Hồ Thanh T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo lai thu số 0006737 ngày 20/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận**

- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Thới Phần**